

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÙ GIA MẬP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: **04/2019/HSST**

Ngày: 25/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chắt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Mỹ Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm đối với vụ án hình sự thụ lý số 53/2018/TLST-HS ngày 03/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Minh T (tên gọi khác: Hải T, H), sinh năm 1987; nơi sinh: Đồng Nai; HKTT: Thôn 2, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 01/12; con ông Trần C và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ tên là Trần Thanh T và có 02 người con sinh năm 2009, 2013; gia đình bị cáo có 05 chị em ruột; lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1995.

Tiền án: có 02 tiền án:

Ngày 22/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù (Bản án số 35 ngày 22/3/2012) về tội “Trộm cắp tài sản”

Ngày 07/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù (Bản án số 107 ngày 07/8/2013) về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: có 01 tiền sự: Ngày 26/01/2015 bị Công an huyện Bù Gia Mập xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 2.500.000 đồng

Bị cáo hiện đang tạm giam trong một vụ án khác, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đặng Thế V, sinh năm 1990; nơi sinh: Bình Phước; HKTT: Khu 5, phường L, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị M, bị cáo có vợ tên là Huỳnh

Thu N; gia đình bị cáo có 04 anh, chị ruột; lớn nhất sinh năm 1976. Bị cáo là con út trong gia đình; Tiền sự: Không.

Tiền án: có 02 tiền án.

Ngày 15/6/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; nơi sinh: Bình Phước; HKTT: Tổ 3, ấp T, xã P, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông Trình độ học vấn: 2/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị K; bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị L và có 01 người con sinh năm 2003; gia đình bị cáo có 08 anh, chị em; lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2006, bị cáo là thứ 05 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2017 đến ngày 16/3/2018 được tại ngoại; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Ông Lê Trung B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Ông Lê Trọng T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo T và bị cáo V là bạn chơi chung với nhau. Trong khoảng thời gian từ ngày 13/10/2015 đến ngày 19/10/2015 bị cáo T, V và một số đối tượng đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 8 giờ ngày 13/10/2015, bị cáo T rủ bị cáo V và N, H đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài thì tất cả đồng ý. Sau đó, đối tượng H điều khiển xe mô tô chở đối tượng N, còn bị cáo V điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đi vào thôn Đ, xã P tìm gia đình nào tài sản sơ hở sẽ trộm cắp. Tại đây, cả 4 đối tượng thấy nhà Lê Trọng T đã khóa cửa, còn Lê Văn T (con rể của T) đang điều khiển xe tự chế đi chở đất về đang đổ ở sân nhà thì bị cáo T, bị cáo V và H, N dừng xe, sau khi T điều khiển xe đi thì bị cáo T nói bị cáo V và H đứng ngoài canh người, còn bị cáo T và N đi qua lô cao su vào phía sau nhà T thì thấy cửa sau đã khóa, bị cáo T và N dùng tua vít, xa beng, mỏ lết cạy cửa rồi đi vào trong nhà thì thấy phòng ngủ (phòng đầu tiên từ phía sau lên) đã khóa, cả 02 tiếp tục dùng tua vít, xa beng, mỏ lết cạy cửa phòng ngủ rồi đi vào trong phòng. Tại đây, bị cáo T và N phát hiện một két sắt, bị cáo T liền lấy 01 cái mền (cái chăn), 01 cái gối trải xuống nền nhà, sau đó bị cáo T và N lật két sắt lên gối

và mền rồi kéo xuống bếp, dùng xà beng, mỏ lết, tua vít cạy phá cửa kết sắt bung ra thấy bên trong không có tài sản gì giá trị, sau đó tiếp tục đi lục tìm tài sản, nghĩa phát hiện chiếc áo khoác treo trên tường có 01 chiếc ví, N lấy đưa cho bị cáo T. Sau đó Nghĩa và bị cáo T đi ra ngoài rồi cả 04 đi về nhà H, trên đường về bị cáo T kiểm tra ví thì phát hiện bên trong có số tiền 4.500.000 đồng bị cáo T lấy hết số tiền này bỏ vào túi rồi vứt ví cùng các giấy tờ khác. Số tiền này bị cáo T chia cho bị cáo V, N mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo T và H tiêu xài hết. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày T đi làm về thì phát hiện bị mất tài sản đã báo công an, sau đó cơ quan điều tra đến khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết.

Vụ thứ hai:

Khoảng 10h ngày 19/10/2015 bị cáo T rủ bị cáo V đi trộm cắp tài sản, bị cáo V đồng ý. Sau đó, bị cáo V điều khiển xe mô tô không rõ biển kiểm soát chở bị cáo T từ xã P, huyện Bù Gia Mập đến khu vực xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tìm gia đình nào để tài sản sơ hở sẽ lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi cả hai đến nhà Đàm Văn H ở thôn 4 xã Đ, bị cáo T phát hiện xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1-165.02 của Lê Trung Bảo H dựng ở ngoài sân, dưới gốc mít, không có người trông coi, bị cáo T liền nói bị cáo V dừng xe lại thì bị cáo V liền dừng xe lại rồi đứng ngoài cánh giới, còn bị cáo T cầm theo đoản phá khóa vào mở ổ khóa, sau khi mở được ổ khóa, bị cáo T ra ngoài nói bị cáo V đi vào lấy xe. Bị cáo V đi đến nỗ máy đi về nhà bị cáo T ở thôn 2 xã P, còn bị cáo T điều khiển xe (xe của bị cáo V) chạy theo sau. Trên đường đi bị cáo V và bị cáo T dừng xe lại kiểm tra trong cốp xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1-165.02 để tìm tài sản, nhưng chỉ thấy giấy đăng kí mô tô xe máy bản phô tô và sau đó cả hai tiếp tục điều khiển xe về nhà bị cáo T. Khi về đến nhà bị cáo T, bị cáo V đưa xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1-165.02 cho bị cáo T đi cất giấu phía sau nhà, sau đó bị cáo V điều khiển xe mô tô của mình về nhà. Đến chiều cùng ngày, bị cáo T gọi điện thoại cho đối tượng Nguyễn Văn P thỏa thuận mua bán xe mô tô do trộm cắp mà có với giá 5.000.000 đồng và hẹn đến 03 giờ ngày 20/10/2015 P đến đưa tiền và nhận xe. Đến khoảng 02 giờ ngày 20/10/2015 P điều khiển xe mô tô đến nhà bị cáo T (em trai của P gần nhà P) rồi gọi bị cáo T dậy, nói cho bị cáo T biết P mua xe do trộm cắp mà có nói bị cáo T đi chạy xe về cho P, P sẽ trả tiền công 400.000 đến 500.000 đồng thì bị cáo T đồng ý. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe mô tô (xe của Phúc) chở P đến nhà bị cáo T để mua xe. Khi P và bị cáo T đến địa điểm đã hẹn, bị cáo T lấy xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1-165.02 giao cho Phúc, Phúc lấy 5.000.000 đồng đưa cho bị cáo T và nói bị cáo T điều khiển xe chạy về huyện Bù Đốp. Khi bị cáo T điều khiển xe đến khu vực phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng công an thị xã Phước Long đang đi tuần tra, phát hiện, tạm giữ phương tiện cùng bị cáo T đưa về trụ sở làm việc. Đến sáng ngày 20/10/2015 bị cáo T gặp bị cáo V và chia cho bị cáo V số tiền 2.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 41/CTr-VKS ngày 03 tháng 10 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã truy tố:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Minh T mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đặng Thế V mức án tù 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 09 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 30 tháng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về bồi thường dân sự và vật chứng của vụ án theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về áp dụng bộ luật hình sự để áp dụng đối với các bị cáo:

Theo khoản 2 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 với khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì hình phạt của hai điều luật là tương đương với nhau nên căn cứ điểm b, khoản 1 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH15 nên HĐXX áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 về tội danh; căn cứ quyết định hình phạt, tù có thời hạn và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

[3]. Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng số 41/CTr-VKS ngày 03 tháng 10 năm 2018 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được Hội Đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Do muốn có tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân, nên khoảng 8 giờ ngày 13/10/2015 bị cáo Đặng Thế V, bị cáo Trần Minh T đã có hành vi lén lút phá ổ khóa nhà vào nhà anh Lê Trọng T ở thôn Đ, xã P chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 19/10/2015 bị cáo Trần Minh T và bị cáo Đặng Thế V tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1 – 165.02 của Lê Trung Bảo H tại thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, xe giá trị 18.800.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T biết rõ xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1 – 165.02 là do phạm tội mà có, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo T đã tiêu thụ tài sản do bị cáo T và V phạm tội mà có.

[4]. Hành vi mà các bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, ảnh hưởng đến đời sống lành mạnh của cộng đồng dân cư, các bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật, coi thường tài sản của người khác, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Đối với bị cáo Trần Minh T là người không có nghề nghiệp ổn định, chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội, bị cáo là đã 06 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” và đã có 02 tiền án: Ngày 22/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù và Ngày 07/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng chưa được xóa tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội nên phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Đặng Thế V là người có 02 tiền án: Ngày 15/6/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 3 năm tù về tội “cướp giật tài sản”; Ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xử phạt 09 tháng tù về tội “cố ý làm hư hỏng tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Nguyễn Văn T biết rõ xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1 – 165.02 là do phạm tội mà có, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo T đã tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm Sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Bị cáo Đặng Thế Vinh về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng với điều khoản quy định của pháp luật.

[5]. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo là người trực tiếp phá cửa, phá kết sắt lấy tiền của bị hại T và phá khóa ổ khóa xe của bị hại H nên bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo V tham gia với vai trò đồng phạm, bị cáo là người cảnh giới cho bị cáo T vào nhà bị hại T lấy trộm tiền và là người trực tiếp vào lấy xe của bị hại H nên bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình

Bị cáo T mặc dù biết xemô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1 – 165.02 là do các bị cáo T và V phạm tội mà có, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo T đã tiêu thụ tài sản do bị cáo T, V phạm tội mà có nên bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[6]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khẩn khai báo, ăn năm hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo Đặng Thế V có bố là người có công với cách mạng trong thời kỳ

kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà HĐXX cần xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T và bị cáo V đã thực hiện hai hành vi phạm tội nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tổng hợp hình phạt:

Cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình 30 năm tù của bản án số 328/2018/HSPT ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trần Minh T.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Đối với đối tượng Trần Tín N và Phạm Minh H, hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được, do đó đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với đối tượng Nguyễn Văn P hiện nay đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập chưa làm việc được, do đó Cơ quan CSĐT đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[10]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Lê Trọng T yêu cầu bị cáo T và bị cáo V có trách nhiệm bồi thường số tiền 4.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo V đồng ý bồi thường bồi thường cho người bị hại Lê Trọng T số tiền 2.250.000 đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo V. Tại phiên tòa bị cáo T không đồng ý bồi thường cho người bị hại Lê Trọng T nên cần buộc bị cáo T có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại Lê Trọng T số tiền 2.250.000 đồng.

Người bị hại Lê Trung Bảo H không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[11]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô mà bị cáo Đặng Thế V dùng làm phương tiện phạm tội là xe của bị cáo V; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo V đã bán cho một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch nên không thu hồi được. Còn xe mô tô mà đối tượng Phạm Minh H sử dụng làm phương tiện phạm tội, hiện nay chưa làm việc được với H chưa thu hồi được nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với ví và các giấy tờ của Lê Trọng T, bị cáo Trần Minh T đã vứt trên đường đi không rõ ở vị trí nào nên không thu hồi được nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với xà beng, tua vít, mỏ lết mà các bị can sử dụng làm công cụ phạm tội, Trần Tín N để tại nhà Phạm Minh H; Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu hồi được nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 93H1 – 165.02, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho Hiệpnên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với đoàn phá khóa mà bị cáo Trần Minh T sử dụng làm công cụ phạm tội, bị cáo T đã vứt không rõ ở vị trí nào nên không thu hồi được.

Đối với xe mô tô mà Nguyễn Văn P làm phương tiện chở bị cáo Nguyễn Văn T từ huyện Bù Đốp đến xã P, huyện Bù Gia Mập để mua xe do phạm tội mà có. Hiện nay, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập chưa làm việc được với Phúc do đó chưa thu hồi được xe nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[12]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Trần Minh T, Đặng Thế V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Minh T (tên gọi khác: Hải T, H), Đặng Thế V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T (tên gọi khác: Hải T, H) 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình 30 năm tù của bản án số 328/2018/HS-PT ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trần Minh T. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2017.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Đặng Thế V 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 25/01/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T về UBND xã P, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo án thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Trần Minh T, Đặng Thế V mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê Trọng T số tiền 2.250.000 đồng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Trần Minh T, Đặng Thế V, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Minh T, Đặng Thế V mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng.

Bị cáo; người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước,
- VKSND H. Bù Gia Mập,
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập,
- Bị cáo,
- NCQLNV liên quan,
- Người bị hại,
- Lưu HSVA, TA.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Chát